



Mã số/ Ref. No: 08637/2022/PKQ (22.6509)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ - Số 106 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Không khí xung quanh**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations
22.6509.K.01	Không khí tại khuôn viên cạnh hồ cá
22.6509.K.02	không khí tại Khuôn viên cạnh canteen
22.6509.K.03	không khí tại Cổng bảo vệ 3
22.6509.K.04	Không khí tại Cổng bảo vệ 4

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 28/11/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 05/12/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN Không khí xung quanh Trung bình 1 giờ
				22.6509. K.01	22.6509. K.02	
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,8	29,7	-
2	Độ ẩm ^(a)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	70,8	70,1	-
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,7	68,6	70 ⁽¹⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	127	125	300 ⁽²⁾
5	NO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	47	52	200 ⁽²⁾
6	SO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	52	59	350 ⁽²⁾
7	H ₂ S ^(a)	µg/m ³	MASA 701	KPH (MDL=5)	KPH (MDL=5)	42 ⁽³⁾
8	NH ₃ ^(a)	µg/m ³	MASA 401	KPH (MDL=10)	KPH (MDL=10)	200 ⁽³⁾
9	CO ^(a)	µg/m ³	SOP-H16	KPH (MDL=3.000)	KPH (MDL=3.000)	30.000 ⁽²⁾

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/2



• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN Không khí xung quanh
				22.6509. K.03	22.6509. K.04	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,2	31,4	-
2	Độ ẩm ^(a)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	69,8	70,5	-
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,7	62,7	70 ⁽¹⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	136	141	300 ⁽²⁾
5	NO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	51	53	200 ⁽²⁾
6	SO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	60	62	350 ⁽²⁾
7	H ₂ S ^(a)	µg/m ³	MASA 701	KPH (MDL=5)	KPH (MDL=5)	42 ⁽³⁾
8	NH ₃ ^(a)	µg/m ³	MASA 401	KPH (MDL=10)	KPH (MDL=10)	200 ⁽³⁾
9	CO ^(a)	µg/m ³	SOP-H16	KPH (MDL=3.000)	< 9.000	30.000 ⁽²⁾

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
- (2): QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- (3): QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2022

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THÙY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 2/2

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: giamsatmoitruong.com.vn

Mã số/ Ref. No: 08639-1.NU/2022/PKQ (22.6509)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name:

BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location:

**BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ - Số 106
đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh
Kiều, TP. Cần Thơ**

3. Loại mẫu/ Type of sample:

Nước uống

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations
22.6509.NU.01	Nước uống tại Lầu 1 Khoa sản bệnh

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 28/11/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 05/12/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				22.6509.NU.01	Ngưỡng giới hạn cho phép nước sạch
1	Bào tử vi khuẩn kỵ khí sulfite ^(b)	CFU/50mL	TCVN 6191-2:1996	KPH	-
2	Coliform ^(b)	CFU/250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	< 3 ⁽¹⁾
3	Pseudomonas Aeruginosa ^(b)	CFU/250mL	TCVN 8881:2011	KPH	< 1 ⁽¹⁾
4	Streptococci faecal ^(b)	CFU/250 mL	TCVN 6189-2:2009	KPH	-

Chú thích/ Remarks:

1. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.

2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

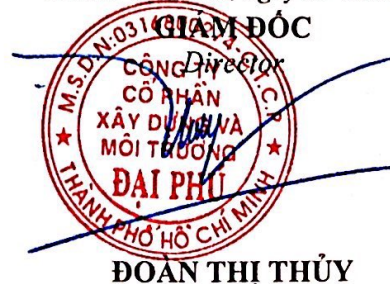
3. (1): Quy chuẩn sử dụng đơn vị tính CFU/100mL

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2022

**ĐOÀN THỊ THỦY**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/1



Mã số/ Ref. No: 08639/2022/PKQ (22.6509)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ - SỐ 106
đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh
Kiều, TP. Cần Thơ
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước mặt
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations
22.6509.NM .01	Nước mặt Tại Sông Khai Luông Lớn

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 28/11/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 05/12/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 08- MT:2015/ BTNMT
				22.6509.NM .01	
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	7,15	6 ÷ 8,5
2	DO ^(a,b)	mg/L	TCVN 7325:2016	6,4	≥ 5
3	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	28,3	30
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	4,2	6
5	NH ₄ ⁺ (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,15	0,3
6	NO ₃ ⁻ (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2017	2,1	5
7	Fe ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,25	1
8	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,4x10 ³	5.000

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. (1): Cột A₂: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B₁ và B₂.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2022

GIÁM ĐỐC

ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/1



Mã số/ Ref. No: 08638/2022/PKQ (22.6509)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ - SỐ 106**
đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh
Kiêu, TP. Cần Thơ
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:



Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations
22.6509.NT.01	Trước hệ thống xử lý nước thải
22.6509.NT.02	Sau hệ thống xử lý nước thải

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 28/11/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 05/12/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 28:2010/BTNMT Cmax – Cột A, K=1,0
				22.6509. NT.01	22.6509. NT.02	
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	8,56	7,55	6,5 ÷ 8,5
2	Clo dư ^(a)	mg/L	HDCV/ĐN-H08	-	KPH	-
3	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	132	33,1	50
4	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	256	48	50
5	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	126	22,9	30
6	NH ₄ ⁺ (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .B&F:2017	21,2	3,69	5
7	S ²⁻ ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,92	0,41	1
8	NO ₃ ⁻ (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2017	2,84	10,2	30
9	PO ₄ ³⁻ (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,81	1,29	6
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(a,b)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	0,1
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(a,b)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	1

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/2

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: giamساتmoitruong.com.vn

**VIMCERTS
292**

12	Coliform ^(a,b)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2017	12x10 ³	940	3.000
13	Salmonella ^(a,b)	Phát hiện/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH	KPH	KPH
14	Shigella ^(a,b)	Phát hiện/ 100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH	KPH
15	Vibrio cholerae ^(a,b)	Phát hiện/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH	KPH
16	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	6,8	KPH (MDL=0,3)	10

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2022

GIÁM ĐỐC

Director

**ĐOÀN THỊ THỦY**

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
- Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 2/2